

CHƯƠNG 2. LÃI SUẤT (108 câu)

2.1. Tổng quan về lãi suất

1. Lãi suất

- a. Phản ánh chi phí của việc vay vốn
- b. Phản ánh mức sinh lời từ đồng vốn cho vay
- c. Cả a và b

2. Đối với người đi vay lãi suất được coi là

- a. Một phần chi phí vốn vay
- b. Yêu cầu tối thiểu về lợi ích của khoản vay
- c. Sự đền bù đối với việc hy sinh quyền sử dụng tiền
- d. Đáp án b và c

3. Trong trường hợp nào lãi suất ngoại tệ cao hơn lãi suất nội tệ

- a. Đồng nội tệ dự tính sẽ lên giá so với ngoại tệ
- b. Đồng ngoại tệ dự tính sẽ tăng giá so với nội tệ
- c. Cả a và b đều sai

4. Lãi suất thị trường tăng thể hiện

- a. Cung vốn vay đang tăng lên
- b. Cầu vốn vay đang tăng lên
- c. Sự can thiệp của Nhà nước vào thị trường đang rõ rệt hơn
- d. Không có đáp án đúng

5. Khi nền kinh tế đang tăng trưởng, lãi suất thị trường có thể

- a. Cao hơn do nhu cầu đầu tư cao hơn
- b. Thấp hơn do nhu cầu vay vốn thấp hơn
- c. Cao hơn do nhu cầu gửi tiết kiệm giảm xuống
- d. Đáp án a và c

6. Khi nền kinh tế đang suy thoái, lãi suất thị trường có thể

- a. Cao hơn do nhu cầu vay vốn cao hơn
- b. Thấp hơn do nhu cầu vay vốn để đầu tư thấp hơn
- c. Cao hơn do nhu cầu gửi tiết kiệm giảm xuống
- d. Đáp án a và c

7. Trong trường hợp nào lãi suất tiền gửi VND cao hơn lãi suất tiền gửi USD

- a. Tỷ giá VND/USD dự tính tăng trong thời gian tới
- b. Tỷ giá VND/USD dự tính giảm trong thời gian tới
- c. Cả a và b đều sai

2.2. Phân loại lãi suất

8. Lãi suất tái chiết khấu phải đảm bảo:

- a. Thấp hơn lãi suất chiết khấu

b. cao hơn lãi suất chiết khấu

c. Cả a và b đều sai

9. Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng:

a. Sẽ cố định trong suốt kỳ hạn đó

b. Sẽ thay đổi tùy theo lãi suất trên thị trường

c. Cả a và b đều sai

10. Khi dự kiến lạm phát sẽ tăng

a. Lãi suất thực có thể sẽ giảm đi

b. Lãi suất danh nghĩa có thể sẽ tăng lên

c. Lãi suất danh nghĩa có thể sẽ giảm đi

d. Đáp án a và b

11. Loại lãi suất nào được sử dụng trong trường hợp trả lãi trước:

a. Lãi suất của khoản cho vay chiết khấu

b. Lãi suất của khoản cho vay ứng trước

c. Cả a và b

12. Loại lãi suất nào áp dụng phương pháp trả lãi trước:

a. Lãi suất bao thanh toán

b. Lãi suất chiết khấu

c. Cả a và b

13. Nhà nước phát hành trái phiếu kho bạc thời hạn 5 năm, trả lãi hàng năm, đó là lãi suất:

a. Đơn và danh nghĩa

b. Đơn và thực

c. Ghép và danh nghĩa

d. Ghép và thực

14. Lãi suất thực có nghĩa là:

a. Lãi suất ghi trên các hợp đồng vay vốn

b. Lãi suất chiết khấu hay tái chiết khấu

c. Lãi suất danh nghĩa sau khi đã loại bỏ tỷ lệ lạm phát

d. Lãi suất trên thị trường liên ngân hàng như LIBOR, SIBOR...

15. Trong nền kinh tế thị trường, giả định các yếu tố khác không thay đổi, khi lạm phát được dự đoán sẽ tăng lên thì:

a. Lãi suất danh nghĩa sẽ tăng

b. Lãi suất danh nghĩa sẽ giảm

c. Lãi suất thực sẽ tăng

d. Không có cơ sở để xác định

16. Lãi suất thực có nghĩa là:

a. Lãi suất ghi trên các hợp đồng vay vốn

b. Lãi suất chiết khấu hay tái chiết khấu

c. Lãi suất danh nghĩa sau khi đã loại bỏ tỷ lệ lạm phát

d. Lãi suất trên thị trường liên ngân hàng như LIBOR, SIBOR...

17. Trong tín dụng Nhà nước, Nhà nước xuất hiện với tư cách

- a. Người môi giới
- b. Người đi vay
- c. Người cho vay
- d. b và c**
- e. Cả a, b và c

18. Khi có lạm phát xảy ra :

- a. Người cho vay được lợi do lãi suất thực tăng lên
- b. Người cho vay được lợi do lãi suất thực giảm xuống
- c. Người đi vay được lợi do lãi suất thực tăng lên
- d. Người đi vay được lợi do lãi suất thực giảm xuống**

19. Lãi suất thực là:

- a. Lãi suất ghi trên các hợp đồng kinh tế
- b. Lãi suất danh nghĩa sau khi đã loại bỏ tỷ lệ lạm phát**
- c. Lãi suất chiết khấu hoặc lãi suất tái chiết khấu
- d. Đáp án a và b

20. Giả định các yếu tố khác không thay đổi, khi lạm phát được dự đoán sẽ tăng lên thì:

- a. Lãi suất danh nghĩa sẽ tăng**
- b. Lãi suất danh nghĩa sẽ giảm
- c. Lãi suất thực sẽ tăng
- d. Lãi suất thực sẽ giảm

21. So với lãi suất cho vay, lãi suất huy động vốn của các ngân hàng:

- a. Luôn lớn hơn
- b. Luôn nhỏ hơn**
- c. Lớn hơn hoặc bằng
- d. Nhỏ hơn hoặc bằng

22. Đầu là mối quan hệ giữa lãi suất danh nghĩa và lãi suất thực tế

- a. Lãi suất thực tế = Lãi suất danh nghĩa + tỷ lệ lạm phát dự tính
- b. Lãi suất danh nghĩa = Lãi suất thực tế + tỷ lệ lạm phát dự tính**
- c. Tỷ lệ lạm phát thực tế = Lãi suất danh nghĩa + lãi suất thực tế
- d. Lãi suất danh nghĩa = Lãi suất thực tế - Tỷ lệ lạm phát dự tính

23. Lãi suất thực thường nhỏ hơn lãi suất danh nghĩa vì có yếu tố :

- a. Lạm phát.**
- b. Khấu hao.
- c. Thâm hụt cán cân vãng lai.
- d. Gồm a và c

24. Trong điều kiện nào sau đây việc đi vay là có lợi nhất:

- a. Lãi suất là 20% và lạm phát dự kiến là 15%
- b. Lãi suất là 12% và lạm phát dự kiến là 10%**
- c. Lãi suất là 10% và lạm phát dự kiến là 5%

d. Lãi suất là 4% và lạm phát dự kiến là 1%

25. Lãi suất danh nghĩa tăng lên có thể do

a. Lạm phát dự kiến đã tăng lên

b. Lãi suất thực đã tăng lên

c. Đáp án a và b

d. Không có đáp án đúng

2.3. Phương pháp đo lường lãi suất

26. Bạn gửi vào ngân hàng một triệu đồng với lãi suất 10%/năm ghép lãi hàng năm, tổng số tiền gốc và lãi bạn nhận được sau 3 năm sẽ là:

a. 1.300.000 đ

b. 1.331.000đ

c. 1.302.000đ

d. 1.210.000đ

27. Cho vay 10 triệu đồng trong 1 năm, ghép lãi nửa năm. Vốn và lãi trả cuối kỳ. Lãi suất là 8%/năm. Tổng số tiền nhận được sau 1 năm sẽ là:

a. 10.817.000 đồng

b. 10.816.000 đồng

c. 10.815.000 đồng

d. 10.814.000 đồng

28. Hình thức đầu tư nào có mức sinh lời cao hơn:

a. Mua kỳ phiếu ngân hàng kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 0,74%/tháng, thanh toán cả gốc và lãi một lần vào cuối kỳ.

b. Gửi tiết kiệm ngân hàng kỳ hạn 1 năm với lãi suất 8,3%/năm, lãi trả đầu kỳ, vốn trả cuối kỳ

c. Không xác định được

29. Khi bạn dự đoán lãi suất có xu hướng tăng lên trong tương lai, nếu bạn có 10 triệu đồng, hình thức đầu tư sinh lời nào sau đây bạn chọn:

a. Mua tín phiếu kho bạc thời hạn 6 tháng với lãi suất 8,1%/năm

b. Mua trái phiếu chính phủ thời hạn 2 năm với lãi suất 8,3%/năm

c. Gửi tiền tiết kiệm thời hạn 2 năm với lãi suất 8,35%/ năm

30. Hình thức đầu tư nào có mức sinh lời cao hơn:

a. Mua kỳ phiếu ngân hàng kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 0,7%/tháng, thanh toán cả gốc và lãi một lần vào cuối kỳ, nửa năm ghép lãi một lần.

b. Gửi tiết kiệm ngân hàng kỳ hạn 1 năm với lãi suất 8,5%/năm, vốn và lãi trả cuối kỳ

c. Không xác định được

31. Gửi tiết kiệm 1.000.000đ kỳ hạn 6 tháng (lãi trả cuối kỳ) với lãi suất 0,8%/tháng. Sẽ thu được:

a. 1.048.970đ sau 6 tháng

b. 1.100.338đ sau 1 năm

- c. 1.098.304đ sau 1 năm
- d. Cả a và c

32. Bạn vay 10.000 USD để mua xe trong 3 năm với lãi suất 6%/năm. Theo hợp đồng vay, bạn phải trả làm ba lần bằng nhau (cả gốc lẫn lãi) vào cuối mỗi năm trong ba năm. Vậy, mỗi năm bạn phải trả:

- a. 3.933 USD
- b. 2.763 USD
- c. 3.741 USD**
- d. 3.970 USD

33. Dự án A có lãi suất hoàn vốn (YTM) cao hơn dự án B, thông thường khi đó:

- a. Dự án A có lợi hơn
- b. Dự án B có lợi hơn**
- c. Không có kết luận gì

Sao lại lấy lãi suất hoàn vốn để đánh giá dự án? Phải lấy tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) chứ nhỉ ☹

34. Nếu lãi suất chiết khấu là 5%/ năm, xác định giá trị của một cổ phiếu được trả cổ tức cố định vĩnh viễn là \$100. ($P=C/i$)

- a. \$20,000
- b. \$300
- c. \$2 000**
- d. \$ 200

35. Nếu lãi suất chiết khấu là 10%/ năm, xác định giá trị của một cổ phiếu được trả cổ tức cố định vĩnh viễn là \$100.

- a. \$100
- b. \$ 10 000
- c. \$ 1000**
- d. \$ 2 000

36. Nếu lãi suất chiết khấu là 20%/ năm, xác định giá trị của một cổ phiếu được trả cổ tức cố định vĩnh viễn là \$100.

- a. \$50
- b. \$100
- c. \$500**
- d. \$1000

37. Một tín phiếu kho bạc kì hạn một năm mệnh giá \$100 đang được bán với mức lợi tức 15%/ năm. Thị giá của trái phiếu này là:

- a. \$90.00
- b. \$86.96**
- c. \$85.00
- d. \$80.00

38. Bạn phải gửi 1 số tiền vào NH là bao nhiêu nếu sau 7 năm nữa bạn sẽ nhận được 50000\$ (cho biết lãi suất NH là 10%/1năm).

- a. 25 000,00
- b. 25 657,91
- c. 28 223,70
- d. 29 411,76

39. Một trái phiếu có mệnh giá 100 triệu, kỳ hạn 5 năm, tỷ suất coupon là 8%. Các trái phiếu tương tự đang được bán với mức lợi tức là 15%. Thị giá của trái phiếu này là: câu này mình ra 76.53 tr nhé

Câu này t cũng ra là 76.5349, chắc nó làm tròn là 76.54 đây :-?

- a. 100 triệu
- b. 76,54 triệu
- c. 80,01 triệu
- d. 84,02 triệu

40. Bạn sẽ tích lũy được bao nhiêu trong vòng 3 năm nếu bạn gửi ngân hàng với số vốn ban đầu là 10 triệu đồng, lãi suất ngân hàng 18%/năm, tính lãi theo quý?

- a. 10.107.690 VND
- b. 13.310.000 VND
- c. 134.490.000 VND
- d. 16.959.000 VND

41. Bạn sẽ tích lũy được bao nhiêu tiền lương hưu nếu bạn tiết kiệm hàng năm là 2,000 USD, bắt đầu sau 1 năm tính từ ngày hôm nay, và tài khoản này sinh ra 10% lãi kép hàng năm trong vòng 10 năm?

- a. 37,200.00 USD
- b. 47,761.86 USD
- c. 51,874.85 USD
- d. 32,453.01 USD

42. Bạn sẽ kiếm được bao nhiêu tiền lãi vào cuối năm thứ ba với khoản tiết kiệm 1000 USD và với mức lãi suất ghép hàng năm là 7%?

- a. 1,225.04 USD
- b. 1227.05 USD
- c. 1280.14 USD
- d. 1105.62 USD

43. Bạn phải chờ bao lâu (cho tới năm gần nhất) cho một khoản đầu tư ban đầu là 1000 USD để tăng gấp 2 lần giá trị của nó nếu khoản đầu tư này sinh lãi ghép là 8% một năm?

- a. 9 năm
- b. 10 năm
- c. 8 năm

44. Một tài khoản thẻ tín dụng có mức lãi suất 1,25% / tháng sẽ tạo ra tỷ lệ lãi suất kép (Equivalent annually compounded rate - EAR) hàng năm là và một APR (Tỷ lệ phần trăm hàng năm – Annual Percentage Rate) là

- a. 16.0755%; 15.00% $(1+EAR)^1 = (1+1.25\%)^{12}$; APR=1.25% \times 12

- b. 14.55%; 16.08%
- c. 12.68%; 15.00%
- d. 15.00%; 14.55%

45. Nếu bạn cho một người mượn số tiền ban đầu là 1000 USD và người ấy hứa sẽ trả bạn 1900 USD sau 9 năm tính từ bây giờ thì lãi suất hoàn vốn mà bạn nhận được sẽ là:

- a. 5.26%
- b. 7.39%**
- c. 9.00%
- d. 10.00%

46. Bạn sẽ phải trả bao nhiêu cho một trái phiếu 1,000 USD với tỷ suất coupon là 10% chi trả hàng năm và kỳ hạn thanh toán là 5 năm. Giả sử mức lợi tức thị trường yêu cầu là 12%? $100/1.12 + 100/1.12^2 + \dots$

Câu này tổ cũng ra thế

- a. 927.90 USD**
- b. 981.40 USD**
- c. 1,000.00 USD**
- d. 1,075.82 USD**

47. Giá trị hiện tại ròng (NPV) là giá trị hiện tại của các dòng tiền thu được trừ đi vốn đầu tư ban đầu?

- a. Đúng.
- b. Sai. (Là giá trị vốn đầu tư ban đầu trừ đi giá trị hiện tại)**

48. Nhận định nào sau đây ĐÚNG với một kế hoạch triển khai dự án đầu tư có NPV dương?

- a. Lãi suất hoàn vốn nội bộ (IRR – Internal Rate of Return) thấp hơn chi phí vốn.
- b. Chấp nhận kế hoạch để triển khai dự án**
- c. Lãi suất chiết khấu vượt quá chi phí vốn.
- d. Dòng tiền thu về bằng số vốn bỏ ra.

49. Nguyên tắc quyết định giá trị hiện tại thuần (NPV) là:

- a. Chấp nhận các dự án với dòng tiền mặt vượt quá chi phí ban đầu.
- b. Loại bỏ các dự án với tỷ suất lợi nhuận vượt quá chi phí cơ hội.
- c. Chấp nhận các dự án có giá trị hiện tại ròng dương (positive NPV).**
- d. Bác bỏ những dự án kéo dài hơn 10 năm.

50. So với lãi suất, tỷ suất lợi tức :

- a. Luôn lớn hơn
- b. Luôn nhỏ hơn
- c. Lớn hơn nếu có lãi vốn**
- d. Nhỏ hơn nếu có lãi vốn

Câu này C là đúng rồi

51. Tỷ suất chiết khấu tăng lên sẽ làm cho :

- a. Giá trị hiện tại tăng lên

- b. Giá trị hiện tại giảm xuống
- c. Việc tính toán giá trị hiện tại đơn giản hơn
- d. Đáp án a và c

52. Tỷ suất chiết khấu giảm xuống sẽ làm cho :

- a. Giá trị hiện tại tăng lên
- b. Giá trị hiện tại giảm xuống
- c. Việc tính toán giá trị hiện tại đơn giản hơn
- d. Đáp án a và c

53. Một dự án có NPV dương :

- a. Sẽ được nhà đầu tư chấp nhận
- b. Sẽ không được nhà đầu tư chấp nhận
- c. Là một dự án hoà vốn
- d. Đáp án a và c

54. Một dự án có NPV cao hơn so với dự án còn lại :

- a. Sẽ được nhà đầu tư chấp nhận
- b. Sẽ không được nhà đầu tư chấp nhận
- c. Là một dự án có tính sinh lợi
- d. Không có đáp án đúng

55. Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) :

- a. Làm cho dự án có tính sinh lợi
- b. Làm cho NPV của dự án là bằng không
- c. Làm cho dự án không có tính sinh lợi
- d. Đáp án a và b

56. Nhà đầu tư sẽ mong muốn tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) :

- a. Càng thấp càng tốt
- b. Càng cao càng tốt
- c. Không quá thấp
- d. Không quá cao

57. Giá trị hiện tại của một loạt các dòng tiền :

- a. Trung bình trọng số của các giá trị hiện tại của từng dòng tiền riêng lẻ
- b. Tổng giá trị hiện tại của từng dòng tiền riêng lẻ
- c. Luôn lớn hơn giá trị hiện tại của khoản đầu tư
- d. Trung bình giá trị chiết khấu của từng dòng tiền riêng lẻ

58. Đối với một khoản đầu tư nhất định, nhận định nào sau đây ĐÚNG :

- a. Không xét tới lãi suất, tăng tần số ghép lãi sẽ làm giảm giá trị tương lai
- b. Không xét tới lãi suất, tăng tần số ghép lãi sẽ làm tăng giá trị tương lai
- c. Khi lãi suất cao, tăng tần số ghép lãi sẽ làm giảm giá trị tương lai
- d. Khi và chỉ khi lãi suất cao, tăng tần số ghép lãi sẽ làm tăng giá trị tương lai

59. Công ty A phát hành trái phiếu zero - coupon mệnh giá 1000\$. Thị giá của trái phiếu là bao nhiêu nếu tỷ lệ chiết khấu là 4% và kỳ hạn trái phiếu là 4 năm?

- a. \$ 925.60

b. \$ 854.80

c. \$ 1000

d. \$ 835.9

60. Thị giá của trái phiếu kỳ hạn..... sẽ dao động so với trái phiếu kỳ hạn khi lãi suất thay đổi

a. Ngắn hơn, ít hơn, dài hơn

b. Ngắn hơn, nhiều hơn, dài hơn

c. Dài hơn, ít hơn, ngắn hơn

d. Đáp án b và c

61. Một cổ phiếu được trả cổ tức 10 \$ trong năm đầu tiên và 11\$ trong năm thứ hai. Cổ phiếu sẽ được bán sau 2 năm với giá là 120\$. Với tỷ lệ chiết khấu là 9%, thị giá hiện tại của cổ phiếu là bao nhiêu.

a. 114\$

b. 119\$ Cái này tở ra là 119.43

c. 124\$

d. 129\$

62. Đối với nguồn thu nhập trong tương lai nhất định, nhận định nào sau đây

ĐÚNG: Câu này thì t chắc chắn là A

a. Không xét tới lãi suất, tăng tần số ghép lãi sẽ làm giảm giá trị hiện tại

b. Không xét tới lãi suất, tăng tần số ghép lãi sẽ làm tăng giá trị hiện tại

c. Khi và chỉ khi lãi suất cao, tăng tần số ghép lãi sẽ làm giảm giá trị hiện tại

d. Khi lãi suất cao, tăng tần số ghép lãi sẽ làm tăng giá trị hiện tại

63. Công ty A trả cổ tức năm nay là 1\$, năm sau dự kiến là 1.03\$. Tỷ lệ tăng trưởng dự kiến sẽ tiếp tục duy trì theo tỷ lệ như trên. Hỏi giá cổ phiếu của công ty A sẽ là bao nhiêu sau khi chia cổ tức biết tỷ lệ chiết khấu là 5%

a. \$ 20

b. \$ 21

c. \$ 34

d. \$ 51.5 $1.03/(5\%-3\%) - 3\%$: tỉ lệ tăng trưởng cổ tức : $(1.03-1)/1*100$

64. Lãi suất đáo hạn là:

a. Tỷ lệ làm cân bằng giá trái phiếu và dòng tiền chiết khấu

b. Tỷ lệ sinh lợi dự kiến nếu giữ trái phiếu tới khi đáo hạn

c. Tỷ lệ dùng để xác định thị giá trái phiếu

d. Tất cả đáp án trên

65. Giá trái phiếu và lợi tức thu được từ việc nắm giữ trái phiếu đó:

a. Độc lập với nhau.

b. Thay đổi cùng chiều nhau.

c. Thay đổi ngược chiều nhau.

d. Lợi tức thu được từ việc nắm giữ trái phiếu đó không thay đổi do trái tức là cố định

66. Khi tỷ suất coupon của trái phiếu nhỏ hơn lãi suất hoàn vốn (Yield To Maturity-YTM):

- a. Trái phiếu được bán chiết khấu (discount)
- b. Trái phiếu được bán thặng dư (premium)
- c. Trái phiếu sẽ có tỷ suất sinh lợi âm
- d. Đáp án a và c

67. Trái phiếu chiết khấu có thời hạn 90 ngày, bán với giá 98.50\$, mệnh giá 100\$ có tỷ suất sinh lợi $(100-98.5)/98.5$

- a. 1.5%
- b. 4.8%
- c. 6%
- d. 4.94%

69. Giá trị hiện tại của một khoản tiền là 1301,69\$, giá trị tương lai của khoản tiền này sau 7 năm 7 tháng là 2569,26 \$. Nếu lãi tính theo năm và trả một lần khi đáo hạn, lãi suất danh nghĩa tính theo năm là: (9.38%)

- a. 9%
- b. 10%
- c. 11%
- d. 12%

70. Nếu lãi suất là 0%, giá trị của một khoản niên kim 100 \$ sau 10 năm sẽ là:

- a. 100 \$
- b. 900 \$
- c. 1100 \$
- d. 1000 \$

71. Giá một cổ phiếu vào thời điểm hiện tại là 75\$. Giả sử cổ phiếu này được bán cách đây 1 năm với giá 60\$ và cổ tức là 1,5 \$. Tỷ suất sinh lợi của cổ phiếu này là:

- a. 27,5 % $(75+1.5-60)/60$
- b. 24 %
- c. 22 %
- d. 2,5 %

72. Một tín phiếu Kho bạc mệnh giá 10000 \$, kỳ hạn 40 ngày đang được bán với giá là 9900 \$. Tỷ suất sinh lợi của tín phiếu trong giai đoạn này là:

- a. 1%
- b. 1,01 % $(10000-9900)/9900$
- c. 9 %
- d. 9,6 %

73. Một khoản đầu tư trị giá 1000 \$ được tiến hành vào đầu năm với lãi suất hàng năm là 48 %, lãi cộng dồn hàng quý. Giá trị của khoản đầu tư này vào cuối năm là: $1000*(1+48\%/4)^4$

- a. 1048 \$
- b. 1096 \$
- c. 4798 \$
- d. 1574 \$

74. Một khoản đầu tư trị giá 1000 \$, lãi suất 12% cộng dồn hàng tháng. Tìm giá trị tương lai của khoản đầu tư này sau 1 năm:

- a. 1120 \$
- b. 1121,35 \$
- c. 1126,83 \$**
- d. 1133,25 \$

75. Một người gửi 4000 \$ vào ngân hàng với lãi suất 7,5%, lãi tính hàng năm. Số tiền cả gốc lẫn lãi người này nhận được sau 12 năm là:

- a. 9358 \$
- b. 9527 \$**
- c. 7600 \$
- d. 5850 \$

2.4. Các nhân tố ảnh hưởng tới lãi suất

76. Thay đổi của yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến lãi suất:

- a. Tỷ suất lợi nhuận bình quân
- b. Tình trạng thâm hụt ngân sách nhà nước
- c. Lạm phát dự tính
- d. Cả a, b và c**

77. Giá của một trái phiếu đang lưu hành sẽ tăng lên khi:

- a. Một NHTM đứng ra đảm bảo thanh toán cho nó**
- b. Lợi nhuận của công ty phát hành trái phiếu dự tính sẽ tăng
- c. Cả a và b

78. Giá của một trái phiếu đang lưu hành sẽ giảm xuống khi:

- a. Lợi nhuận của công ty phát hành trái phiếu dự tính sẽ giảm
- b. Lạm phát dự tính tăng lên**
- c. Cả a và b

79. Lãi suất hoàn vốn của một trái phiếu coupon đang lưu hành sẽ giảm xuống khi:

- a. Lợi nhuận của công ty giảm
- b. Giá trái phiếu đó tăng**
- c. Cả a và b

80. Giả định các yếu tố khác không thay đổi, khi lãi suất trên thị trường tăng, thị giá của trái phiếu sẽ:

- a. Tăng
- b. Giảm**
- c. Không thay đổi

81. Một trái phiếu có tỷ suất coupon bằng với lãi suất trên thị trường sẽ được bán với giá bao nhiêu?

- a. Thấp hơn mệnh giá

b. Cao hơn mệnh giá

c. Bằng mệnh giá

d. Không xác định được giá

82. Một trái phiếu có tỷ suất coupon cao hơn lãi suất trên thị trường sẽ được bán với giá bao nhiêu?

a. Thấp hơn mệnh giá

b. Cao hơn mệnh giá

c. Bằng mệnh giá

d. Không xác định được giá

83. Một trái phiếu có tỷ suất coupon thấp hơn lãi suất trên thị trường sẽ được bán với giá bao nhiêu?

a. Thấp hơn mệnh giá

b. Cao hơn mệnh giá

c. Bằng mệnh giá

d. Không xác định được giá

84. Khi thời gian đáo hạn càng dài, công cụ tài chính có độ rủi ro:

a. Càng cao

b. Càng thấp

c. Không thay đổi

d. Phương án a hoặc c

85. Trong số các nhân tố sau, nhân tố nào quyết định tới giá cả của trái phiếu:

a. Lợi nhuận của doanh nghiệp

b. Độ rủi ro của trái phiếu

c. Lãi suất thị trường

d. b và c

86. Một trái phiếu coupon hiện tại đang được bán với giá cao hơn mệnh giá, thì:

a. Lợi tức của trái phiếu coupon cao hơn tỷ suất coupon

b. Lợi tức của trái phiếu coupon bằng với tỷ suất coupon

c. Lợi tức của trái phiếu coupon thấp hơn tỷ suất coupon

d. Không xác định được tỷ suất trái phiếu

87. Một trái phiếu coupon hiện tại đang được bán với giá thấp hơn mệnh giá, thì:

a. Lợi tức của trái phiếu coupon cao hơn tỷ suất coupon

b. Lợi tức của trái phiếu coupon bằng với tỷ suất coupon

c. Lợi tức của trái phiếu coupon thấp hơn tỷ suất coupon

d. Không xác định được tỷ suất trái phiếu

88. Một trái phiếu coupon hiện tại đang được bán với giá ngang bằng với mệnh giá, thì:

a. Lợi tức của trái phiếu coupon cao hơn tỷ suất coupon

b. Lợi tức của trái phiếu coupon bằng với tỷ suất coupon

c. Lợi tức của trái phiếu coupon thấp hơn tỷ suất coupon

d. Không xác định được tỷ suất trái phiếu

89. Giả định các yếu tố khác không thay đổi, trong điều kiện nền kinh tế thị trường, khi nhiều người muốn cho vay vốn trong khi chỉ có ít người muốn đi vay thì lãi suất sẽ:

- a. Tăng
- b. Giảm**
- c. Không thay đổi

90. Giả định các yếu tố khác không thay đổi, trong điều kiện nền kinh tế thị trường, khi nhiều người muốn vay vốn trong khi chỉ có ít người muốn cho vay thì lãi suất sẽ:

- a. Tăng**
- b. Giảm
- c. Không thay đổi

91. Công cụ nào sau đây có lãi suất thấp nhất?

- a. Trái phiếu Chính phủ**
- b. Trái phiếu doanh nghiệp xếp hạng Aaa
- c. Trái phiếu doanh nghiệp xếp hạng Bbb

92. Nếu có sự đảm bảo chắc chắn rằng trạng thái kinh tế đang ở thời điểm bùng nổ và sẽ bước vào suy thoái, doanh nghiệp có nhu cầu vốn nên sử dụng vốn ngắn hạn chứ không phải vốn dài hạn. Điều này :

- a. Đúng**
- b. Sai

93. Lãi suất tín dụng sẽ có xu hướng tăng lên nếu:

- a. Lạm phát tăng
- b. CSTT là thắt chặt
- c. Bội chi NSNN tăng cao
- d. Cả 3 phương án trên**

94. Nhà nước cấp tín dụng nhằm, mục đích:

- a. Thu lợi nhuận
- b. Hỗ trợ cho các doanh nghiệp cá nhân**
- c. Nhằm cả hai mục đích trên

95. Giả sử các yếu tố khác không thay đổi, khi rủi ro của một khoản vay càng cao thì lãi suất cho vay:

- a. Càng cao**
- b. Càng thấp
- c. Không thay đổi

96. Khi lãi suất đang có xu hướng đi xuống, thông thường:

- a. Thời hạn cho vay dài có lãi suất cao hơn thời hạn cho vay ngắn
- b. Thời hạn cho vay dài có lãi suất thấp hơn thời hạn cho vay ngắn**

97. Tác động của lãi suất tái chiết khấu tăng đối với các ngân hàng thương mại là

- a. Làm cho các ngân hàng thương mại tăng cung tín dụng
- b. Làm cho các ngân hàng thương mại giảm cung tín dụng**

- c. Không ảnh hưởng tới các quyết định của ngân hàng thương mại
- d. Phụ thuộc vào từng thời kỳ

Câu này là b Giang ạ

98. Phần bù rủi ro (risk premium):

a. Luôn dương

b. Luôn âm

c. Thông thường là dương

d. Thông thường là âm

99. Giả định các yếu tố khác không thay đổi, khi lãi suất trên thị trường tăng, giá của trái phiếu sẽ:

a. Tăng

b. Giảm

c. Không thay đổi

d. Không kết luận được

100. Trái phiếu kho bạc có mức lãi cao hơn mức lãi của tín phiếu kho bạc vì:

a. Rủi ro không trả được nợ cao hơn.

b. Có ít tài sản đảm bảo hơn.

c. Tính thanh khoản cao hơn.

d. Rủi ro cao hơn do thời hạn dài hơn.

101. Khả năng vỡ nợ cao hơn của trái phiếu sẽ làm

a. Lãi suất dự kiến cao hơn

b. Giá trái phiếu cao hơn

c. Lãi coupon cao hơn

d. Đáp án a, b và c

102. Đường cong lãi suất thể hiện

a. Lãi suất của những trái phiếu có rủi ro vỡ nợ khác nhau

b. Lãi suất của những trái phiếu có thuế suất khác nhau

c. Lãi suất của những trái phiếu có kỳ hạn khác nhau

d. Lãi suất của những trái phiếu có mệnh giá khác nhau

103. Khi xếp hạng tín dụng của trái phiếu được cải thiện

a. Lãi suất tăng và giá tăng

b. Lãi suất tăng và giá giảm

c. Lãi suất giảm và giá giảm

d. Lãi suất giảm và giá tăng

104. Xét một nhóm trái phiếu với các kỳ hạn khác nhau và đều được bán bằng mệnh giá. Giả sử lãi suất giảm, trái phiếu nào sẽ có giá thấp nhất?

a. Trái phiếu kỳ hạn 5 năm

b. Trái phiếu kỳ hạn 10 năm

c. Trái phiếu kỳ hạn 20 năm

d. Trái phiếu kỳ hạn 30 năm

105. Xét một nhóm trái phiếu với các kỳ hạn khác nhau và đều được bán bằng mệnh giá. Giả sử lãi suất tăng, trái phiếu nào sẽ có giá thấp nhất?

- a. Trái phiếu kỳ hạn 5 năm
- b. Trái phiếu kỳ hạn 10 năm
- c. Trái phiếu kỳ hạn 20 năm
- d. Trái phiếu kỳ hạn 30 năm**

106. Khi NHTW mua vào trái phiếu trong nước, phần bù rủi ro của trái phiếu trong nước:

- a. Tăng
- b. Giảm**
- c. Không thay đổi

107. Khi thâm hụt ngân sách tăng lên và được tài trợ bởi việc phát hành tín phiếu Kho bạc, phần bù rủi ro của tín phiếu Kho bạc sẽ:

- a. Tăng**
- b. Giảm
- c. Không thay đổi

2.5. Chính sách lãi suất của Việt Nam

108. Hiện nay, Việt nam áp dụng cơ chế lãi suất cho vay nào sau đây:

- a. Quy định trần lãi suất cho vay
- b. Cho vay theo lãi suất thoả thuận**
- c. Cho vay dựa trên lãi suất cơ bản + biên độ
- d. Cả a, b, c đều sai